

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 311/2023/DS-PT

Ngày: 14 - 9 - 2023

*“V/v: Yêu cầu hủy hợp đồng tặng
cho quyền sử dụng đất; Hủy giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất; phân chia di sản thừa kế”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bằng.

Các Thẩm phán:

1. Ông Trần Duy Tuấn

2. Ông Vũ Văn Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 240/2023/TLPT-DS ngày 02/8/2023, về việc: *“Yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phân chia di sản thừa kế”*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 96/2023/DS-ST ngày 08/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 244/2023/QĐ-PT, ngày 09/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 210/2023/QĐ-PT ngày 23/8/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Bùi Thị N; Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - có mặt.

1.2. Bà Nguyễn Thị T; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đặng Anh T1; Địa chỉ: I10 T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà N và bà T: Ông Hồ Ngọc H- Luật sư thuộc Văn Phòng Luật sư Hồ Ngọc Hùng; Địa chỉ: I10 T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị L; Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hoàng L1; Địa chỉ: 479 Q, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Văn phòng công chứng số 1 tỉnh Đắk Lắk; Địa chỉ: Số 04 T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền: Trần Trọng Việt T2; Địa chỉ: Số 4 T, Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.2. Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Địa chỉ: Số 01 L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Bùi Thị N và bà Nguyễn Thị T;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****/ Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bùi Thị N, bà Nguyễn Thị T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày có nội dung như sau:***

Bà Nguyễn Thị L2 (đã chết) và ông Bùi Công P (liệt sĩ) sinh được 2 người con: Bùi Thị L, Bùi Thị N, sau đó ông P chết thì bà L2 có thêm 01 người con riêng là Nguyễn Thị T, sinh năm 1977. Năm 2001, thực hiện quyết định số 118/TTg ngày 27/02/1996 của Thủ tướng chính phủ về việc hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở. Ngày 13/6/2001, ban chỉ đạo 118 đã tổ chức xét duyệt cho 14 trường hợp, trong đó có gia đình bà L2 thuộc trường hợp được Sở lao động thương binh và xã hội đề nghị UBND tỉnh Đắk Lắk xem xét và cấp cho gia đình bà 01 lô đất để làm nhà tình nghĩa. Bà L2 là người đứng tên thửa đất số 141, tờ bản đồ số 49 tại Phường Tân Hòa, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Được sự hỗ trợ của Nhà nước đã xây dựng ngôi nhà tình nghĩa trên thửa đất trên và sống ổn định trên đó. Sau đó bà L2 thường xuyên đau ốm nên bà N, bà T là người trực tiếp chăm sóc bà L2.

Năm 2020 bà Nguyễn Thị L2 chết, sau khi làm đám tang cho bà L2 thì bà N, bà T phát hiện bà Nguyễn Thị L2 đã tặng cho bà Bùi Thị L (con gái đầu) thửa đất này. Sau khi bà L2 chết, ba người con là bà N, bà T, bà L có họp gia đình, có sự chứng kiến và làm chứng trong dòng họ ông Bùi Minh K, bà Nguyễn Thị Bích Đ; các bên có lập biên bản họp gia đình và thống nhất giao cho bà L đứng ra quản lý căn nhà và làm nơi thờ cúng ông bà, cụ thể là nhà từ đường. Thống nhất bà L mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đi làm các thủ tục chuyển tên cho 03 chị em để làm nơi thờ cúng theo đúng quy định của pháp luật. Các bên đã ký vào biên bản thống nhất ý kiến như trên. Tuy nhiên, bà L đã không chịu thực hiện.

Ngày 12/10/2022 bà N, bà T làm đơn kiến nghị tại UBND phường Tân Hòa. Tại văn bản trình bày ngày 12/10/2022 thì bà L thừa nhận đất, nhà là của bố mẹ, bà chỉ đứng tên đại diện cho gia đình nhưng sau đó bà L cho rằng thửa đất và nhà sau này bà L già và chết sẽ cho con gái bà L là bà D còn bà N, bà T về thấp hương thì phải xin phép bà L trước thì mới được vào nhà thấp hương cho bố mẹ. Trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đúng là chữ ký, chữ viết của bà L2 nhưng lúc này bà L2 đã đau ốm, tinh thần không minh mẫn nên kí vào hợp đồng tặng cho. Bà N, bà T bức xúc và khởi kiện mục đích để 03 chị em cùng đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm nơi thờ cúng bố mẹ chứ không cho riêng ai và cũng không phân chia gì cả nhưng bà L không chịu nên bà N, bà T khởi kiện để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết những vấn đề sau đây:

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 2959 ngày ngày 27/7/2016 tại Phòng công chứng số 01 tỉnh Đắk Lắk giữa bà Nguyễn Thị L2 và bà Bùi Thị L; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 565729, thửa đất số 141, tờ bản đồ số 49, diện tích 120 m² tại phường Tân Hòa, thành phố Buôn Ma Thuột mang tên bà Bùi Thị L; Phân chia di sản thừa kế mà bà Nguyễn Thị L2 chết để lại: thửa đất số 141, tờ bản đồ số 49 diện tích 120 m² cho cho các đồng thừa kế là Bùi Thị L, Bùi Thị N, Nguyễn Thị T theo quy định của pháp luật.

2. Bị đơn bà Bùi Thị L và đại diện theo ủy quyền của bà L là ông Lê Hoàng L1 trình bày có nội dung như sau:

Bà Nguyễn Thị L2 (1939-2020) là vợ của ông Bùi Công P (liệt sỹ). Bà Nguyễn Thị L2 có 03 người con là: Bùi Thị N, Bùi Thị L, Nguyễn Thị T (là con riêng của bà L2). Năm 1990, bà L2 ở từ quê là Bình Phú, Bình Sơn, Quảng Ngãi vào Đắk Lắk sinh sống cùng với bà L tại thôn 15, xã Ea Tu, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Do nhà của bà L làm tạm và nằm trong diện giải tỏa theo Nghị định số 36/NĐ-CP của Chính phủ, nên ngày 30/6/1997 bà Nguyễn Thị L2 xin đất làm nhà ở theo quyết định 118-TTg về việc hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở và được đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk chấp nhận giao đất làm nhà ở theo quyết định số 2938/QĐ-UB ngày 26/9/2001. Theo đó, bà L2 được nhà nước cấp cho 01 lô đất có diện tích 120m², tại thửa đất số A71 khu dân cư Tân Phong, phường Tân Hòa, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R600146 cấp ngày 26/9/2002. Sau khi được cấp đất, thì bà L2 được UBND phường Tân Hòa hỗ trợ 13.000.000 đồng, UBND thành phố Buôn Ma Thuột hỗ trợ cho 10.000.000 đồng để làm nhà, số tiền còn lại bà L phải vay mượn thêm để hoàn tất căn nhà cho bà L2 với tổng chi phí khoảng 35.000.000 đồng.

Đến năm 2016 bà L2 làm thủ tục tặng cho bà Bùi Thị L diện tích đất và căn nhà nêu trên theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ký ngày 27/7/2016, tại Phòng công chứng số 01 tỉnh Đắk Lắk. Sau khi hoàn tất thủ tục sang tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà L và con gái là Bùi Thị Thùy D sinh sống ổn định từ đó cho đến nay. Nay bà N, bà T khởi kiện bà L thì ý kiến của bà L như sau:

Về yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị L2 và bà Bùi Thị L: Tại thời điểm ngày 30/6/1997 bà L2 làm thủ tục xin cấp đất làm nhà ở, bà L2 đang sống chung với bà L, trong khi đó căn nhà của bà L dựng tạm trên đất thuộc diện giải tỏa theo Nghị định 36/NĐ-TTg của Chính phủ, được xác nhận của các ban ngành gồm UBND phường Tự An; Sở lao động thương binh và xã hội; Sở địa chính, UBND thành phố Buôn Ma Thuột. Do vậy, UBND tỉnh Đắk Lắk căn cứ vào tình hình thực tế theo đơn, đã chấp nhận và ban hành quyết định số 2939/QĐ-UB ngày 26/9/2001, về việc giao đất làm nhà ở cho bà Nguyễn Thị L2. Hiện nay tài sản đang đứng tên bà L là con gái đầu, đây là nơi duy nhất thờ cúng liệt sỹ và mẹ bà, bà L2 cho bà L là tự nguyện và bà L hiện nay cũng không tặng cho, chuyển nhượng ai mà làm nơi thờ cúng bố mẹ và làm nơi các anh chị em đi về thờ cúng, thắp hương bố mẹ.

Về tài sản trên đất: Nhà xây cấp 4 do nhà nước cho 23.000.000đồng còn lại là bà L bỏ tiền vào xây khoảng hơn 20.000.000đồng, tổng cộng xây dựng hết gần 50.000.000đồng sau này bà L có sửa lại cổng, cửa mái che. Bà L chỉ kê khai cho biết

chứ bà không lấy số tiền trên và không yêu cầu gì. Sau khi bà L2 chết thì gia đình tạo áp lực cho bà L nên bà L mới kí vào biên bản họp gia đình ngày 10/6/2020 và văn bản xin trình bày 12/10/2022 tại UBND phường Tân Hòa. Bà L có kí vào đơn trình bày nhưng bà L không viết đơn này mà người khác ông Đặng Anh T1 là đại diện cho bà N, bà T viết và bà T cứ nghĩ cán bộ của phường viết nên bà kí vào biên bản chứ nội dung bà hoàn toàn không biết. Bà T và bà N cho rằng tại thời điểm kí hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất bà L2 không minh mẫn là không đúng mà bà L2 còn minh mẫn thì mới đến phòng công chứng số 1 kí vào hợp đồng tặng cho. Như vậy, căn cứ vào các quy định của pháp luật thì lô đất trên thuộc về tài sản riêng của bà L2. Do đó, bà L2 được toàn quyền sử dụng và định đoạt lô đất trên theo quy định của pháp luật. Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị L2 và bà Bùi Thị L là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 188 luật đất đai 2013. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện là không có căn cứ.

3. Đại diện theo ủy quyền của phòng công chứng số 1 Đắk Lắk, ông Trần Trọng Việt T2 trình bày trong quá trình tham gia tố tụng:

Qua kiểm tra hồ sơ dữ liệu phòng công chứng số 1 Đắk Lắk có thực hiện công chứng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 2959, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/7/2016 bên tặng cho là bà Nguyễn Thị L2, bên nhận tặng cho là bà Bùi Thị L, hồ sơ công chứng bao gồm: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 2959, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/7/2016; chứng minh nhân dân, hộ khẩu của bà Nguyễn Thị L2 và bà Bùi Thị L; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R600146 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 26/9/2002; giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của bà Nguyễn Thị L2; giấy khai sinh của bà Bùi Thị L; giấy chứng nhận gia đình Liệt sĩ Bùi Công P. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn văn phòng công chứng không đồng ý. Đề nghị tòa án căn cứ và các chứng cứ, tài liệu đã thu thập để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

4. Người làm chứng ông Bùi Minh K và bà Nguyễn Thị Bích Đ trình bày:

Bà Đào là vợ ông K còn ông K là em ruột của ông Bùi Công P (liệt sĩ) bà N, bà T, bà L gọi ông K là chú ruột. Thửa 141, tờ bản đồ 49 tại phường Tân Hòa có nguồn gốc do ông P là liệt sĩ nên nhà nước cấp 120m² đất và tiền để xây nhà tình nghĩa để làm nhà liệt sĩ, bao gồm bà L2 và các con ở và làm nơi thờ cúng ông Phu. Lúc bà L2 còn sống thì bà L2 thờ cúng sau đó bà L2 già thì vợ chồng bà N ở cùng chăm sóc bà L2, sau khi bà L2 chết thì các con bà L2 đều đến quản lý nhà. Sau khi bà L2 chết gia đình mới biết thửa đất bà L2 đã sang tên cho bà L (con gái đầu). Gia đình họp thống nhất tại biên bản họp gia đình ngày 10/6/2020 do bà Đào viết, thống nhất cả 3 chị em cùng kí vào biên bản là thửa đất để làm nhà từ đường thờ cúng, bà L không được mua bán, tặng cho, chuyển nhượng ai, và thống nhất bà L đi làm thủ tục lại trên bì đỏ, bà L là người đứng tên đại diện cho cho bà N, bà T để làm nơi thờ cúng cha mẹ. Lúc xây nhà thì vợ chồng chúng tôi cho bà L2 5 triệu đồng để xây nhà, cho rồi nên chúng tôi không yêu cầu gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 96/2023/DS-ST ngày 08/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166; điều 169; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 2 Điều 166; điểm a khoản 3 Điều 167; khoản 1 Điều 188 luật đất đai năm 2013; các Điều 116, Điều 117; Điều 118; Điều 119 và Điều 503 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và bà Bùi Thị N, về việc: Yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 2959 ngày 27/7/2016 tại Phòng công chứng số 01 tỉnh Đắk Lắk giữa bà Nguyễn Thị L2 và bà Bùi Thị L; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 565729, thửa đất số 141, tờ bản đồ số 49, diện tích 120 m² tại phường Tân Hòa, thành phố Buôn Ma Thuột mang tên bà Bùi Thị L; Phân chia di sản thừa kế mà bà Nguyễn Thị L2 chết để lại: thửa đất số 141, tờ bản đồ số 49 diện tích 120 m² cho cho các đồng thừa kế là bà Bùi Thị L, bà Bùi Thị N và bà Nguyễn Thị T theo quy định của pháp luật

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/6/2023 nguyên đơn bà Bùi Thị N và bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo, với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại Bản án dân sự sơ thẩm số 96/2023/DS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và đơn kháng cáo. Bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, xét thấy bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, là có căn cứ. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 96/2023/DS-ST ngày 08/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ lời trình bày của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Các nguyên đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị N, bà Nguyễn Thị Thủy; Hội đồng xét xử, xét thấy:

Bà Nguyễn Thị L2 là vợ của liệt sĩ Bùi Công P, sinh được hai người con chung là Bùi Thị L và Bùi Thị N. Đến năm 1977 bà L2 có thêm 01 người con riêng là bà Nguyễn Thị T. Bà Nguyễn Thị L2 là vợ của liệt sĩ Bùi Công P thuộc diện ưu tiên. Đến ngày 26/9/2002 UBND tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R600146, thửa đất A71, tờ bản đồ số độc lập, diện tích 120m² tại Phường Tân Hòa, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. (nay thửa đất số 141, tờ bản đồ số 49 tại Phường Tân Hòa, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk) để làm nhà ở. Đồng thời được sự hỗ trợ của Nhà nước, bà L2 đã xây dựng ngôi nhà tình nghĩa trên thửa đất trên và sinh sống ổn định.

Ngày 27/7/2016 bà Nguyễn Thị L2 đã lập hợp đồng tặng cho thửa đất và tài sản trên đất nêu trên cho bà Bùi Thị L (con gái đầu) và được Phòng công chứng số 1, tỉnh Đắk Lắk công chứng số 2959, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/7/2016. Đến ngày 23/8/2016 bà L được Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Đắk Lắk, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CB 565729, thửa đất số 141, tờ bản đồ số 49 tại Phường Tân Hòa, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, diện tích 126m² cho bà L. Năm 2020 bà Nguyễn Thị L2 chết không để lại di chúc.

Vào lúc 10 giờ 30 phút, ngày 10/6/2020 gia đình bà L họp thống nhất tại biên bản họp gia đình, thể hiện nội dung: *“Toàn bộ căn nhà trên do bà Bùi Thị L đứng tên quản lý và thờ cúng ông bà (làm từ đường) không được đổi chác, sang nhượng và buôn bán căn nhà trên”*.

Tòa cấp sơ thẩm đã xét xử, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và bà Bùi Thị N. Tuy nhiên để chứng minh yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N, bà T có căn cứ hay không có căn cứ, thì Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh, thu thập làm rõ tính hợp pháp và có căn cứ của hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 2959 ngày 27/7/2016 tại Phòng công chứng số 01 tỉnh Đắk Lắk giữa bà Nguyễn Thị L2 và bà Bùi Thị L. Theo lời trình bày của nguyên đơn bà N và bà T tại phiên tòa phúc thẩm, thì nguồn gốc thửa đất mà bà L2 tặng cho bà L là có nguồn gốc cấp cho hộ gia đình bao gồm bà L2, bà L, bà N và bà T. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L2 là thiếu sót. Tại phiên Tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Bùi Thị N và bà Nguyễn Thị T cho rằng thời điểm ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và phiếu yêu cầu Công chứng lập ngày 27/7/2016 về phía bà Nguyễn Thị L2 người tặng cho quyền sử dụng đất không còn minh mẫn và không phải là chữ viết, chữ ký của bà L2. Với những tình tiết mới này, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là tình tiết mới mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể thu thập, bổ sung được. Mặt khác để chứng minh tính hợp pháp và có căn cứ trong quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L2 vào năm 2002 và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L vào năm 2016 Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập lời khai của Sở Tài nguyên và Môi

trường tỉnh Đắk Lắk, của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Lắk, để làm rõ nguồn gốc đất trên của bà L2.

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu “phân chia di sản thừa kế”, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không căn cứ Điều 217 Bộ Luật tố tụng dân sự để đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện trên là thiếu sót.

Từ các nhận định như trên, xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung, khắc phục được. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần chấp nhận một phần kháng cáo của của nguyên đơn. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 96/2023/DS-ST ngày 08/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk và giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác: Do hủy bản án sơ thẩm nên sẽ được giải quyết khi vụ án được thụ lý, giải quyết lại.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và bà Bùi Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ: khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308 và khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và bà Bùi Thị N.

Tuyên xử:

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 96/2023/DS-ST ngày 08/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk và giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

2. Các chi phí tố tụng: Sẽ được quyết định khi giải quyết lại vụ án.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được quyết định khi giải quyết lại vụ án.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T và bà Bùi Thị N *không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; Bà T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai số AA/2022/0002941 ngày 05/7/2023 tại Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột tỉnh Đắk Lắk. Bà T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai số AA/2022/0002941 ngày 05/7/2023 tại Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột tỉnh Đắk Lắk. Bà N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã*

nộp là 300.000 đồng, theo biên lai số AA/2022/0002942 ngày 05/7/2023 tại Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột tỉnh Đắk Lắk. (Do ông Đặng Anh T1 nộp thay)

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- TAND TP. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP. Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Bằng